

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 10 năm 2022
“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B - TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Ích Rồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Trung Kiên và Bà Nguyễn Thị Tâm

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ B - tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Nông Quốc Hoàn – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 217/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị D, **sinh năm 1989**.

Nơi cư trú: Bản CM, xã TC, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên; có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Anh Lò Văn B, **sinh năm 1973**.

Nơi cư trú: Bản CM, xã TC, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên; vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn **xin ly hôn** ngày 28 tháng 2 năm 2022, tại bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lò Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị D và anh Lò Văn B có đăng ký kết hôn tại UBND xã TC, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên vào ngày 20/02/2009. Chị D và anh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, quá trình tìm hiểu không có sự ép buộc và tác động từ bên ngoài. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị D, anh B chung sống hòa thuận, đầm ấm, hạnh phúc đến đầu năm 2010 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn; do anh B cứ uống rượu vào là chửi, hạ nhục và đuổi ra khỏi nhà. Mặc dù vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành; cuộc sống chung của vợ chồng ngày càng lâm vào tình trạng trầm trọng. Đến ngày 17 tháng **7 năm 2022**, anh B uống rượu vào là chửi, đánh, đuổi ra khỏi nhà nên chị D bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ đó cho đến nay. Chị D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị D làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xem xét, giải quyết cho chị D được ly hôn với anh Lò Văn B.

-Về con chung:chị Lò Thị D và anh Lò Văn B có 02 con chung là cháu Lò Thị L, sinh ngày 30/10/2009 và cháu Lò Thị Thu T, sinh ngày 23/01/2018; khi chị D bỏ về nhà bố mẹ đẻ nên cháu Lò Thị L đi cùng với chị nên chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Lò Thị L cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi; còn cháu Lò Thị Thu T vẫn ở với bố từ đó đến nay nên để cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trang cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản:

- Tài sản chung, riêng,nợ phải trả; nợ lấy về của vợ chồng: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn: anh Lò Văn B trình bày: anh B và chị D chung sống hòa thuận, không có mâu thuẫn lớn; thỉnh thoảng anh B đi uống rượu về say nên có có mắng, chửi vợ, con. Do đó, anh B không nhất trí ly hôn nên không có ý kiến về con chung và tài sản.

Quan điểm của đại diện VKSND huyện DB:

Về thủ tục: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách người tham gia tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu, tổng đạt các văn bản tố tụng. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chị Lò Thị D và anh Lò Văn B đăng ký kết hôn tại UBND xã TC, huyện DB, tỉnh Điện Biên vào ngày 20/2/2009. Trước khi kết hôn với nhau hai bên tự tìm hiểu, tự nguyện yêu nhau, quá trình tìm hiểu không có sự ép buộc và tác động từ bên ngoài. Từ khi kết hôn chị D và anh B chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do anh B uống rượu vào là chửi, đánh, đuổi chị D ra khỏi nhà ; do đó chị D xét thấy anh B không còn chăm sóc quan tâm đến nhau nên mục đích hôn nhân không đạt được. Nên áp dụng khoản 1 điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình; Áp dụng khoản 1 Điều 28;điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: **Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D, tuyên xử cho chị Lò Thị D được ly hôn với anh Lò Văn B.** Chị Lò Thị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu là LòThị L, sinh ngày 30/10/2009 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; anh Lò Văn B được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lò Thị Thu T sinh ngày 23/01/2018 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. anh B và chị D không trực tiếp nuôi con chung nhưng được quyền đi lại thăm nom con chung; không giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con chung. Không giải quyết về phần tài sản.

Về án phí:chị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Anh Lò Văn B cư trú tại bản CM, xã TC, huyện DB, tỉnh Điện Biên; Chị D khởi kiện xin ly hôn với anh B nên Tòa án nhân dân huyện DB thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Lò Văn B vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên phiên tòa tiến hành xét xử vắng mặt anh B theo điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 BLTTDS.

[2]Về hôn nhân: Chị Lò Thị D và Anh Lò Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 20/02/2009 tại UBND xã TC, huyện DB, tỉnh Điện Biên. Sau khi kết hôn Chị D và anh B chung sống hạnh phúc **một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do anh B uống rượu vào là chửi, mắng, đánh vợ là có thật được anh B thừa nhận tại biên bản lấy lời khai và hòa giải. Anh B xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh xin được đoàn tụ để chăm sóc con cái.** Hội đồng xét xử xét thấy: Anh B muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng từ năm 2018 đến nay anh thường uống rượu say về là chửi mắng chị D; chị D đã nhiều lần cam chịu để gia đình yên ấm chăm sóc con chung; **đỉnh điểm tháng 7/2022, anh B lại uống rượu say về chửi, đánh chị làm chị D không thể chịu đựng được nữa đã bỏ về nhà ngoại cho đến nay nên một mực chị D đề nghị Tòa giải quyết ly hôn.** Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, anh B không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh B đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D, cần giải quyết cho chị Lò Thị D được ly hôn anh Lò Văn B.

[3]Về con chung: Chị D và anh B có 02 người con chung là cháu Lò Thị L, sinh ngày 30/10/2009 và cháu Lò Thị Thu T sinh ngày 23/01/2018. Nguyên vọng của chị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy chị D đang trực tiếp nuôi cháu L kể từ tháng 7/ 2022 cho đến nay và chị đi làm thuê được 07 triệu đồng/tháng; mặt khác cháu L cũng có nguyên vọng ở với mẹ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận nguyên vọng của chị D và nguyên vọng của cháu L; Đối với cháu T từ tháng 7/ 2022 đến nay vẫn đang ở với bố nên cần giao cháu T cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo cho sự phát triển về tinh thần cũng như quyền lợi về mọi mặt của các cháu nên áp dụng các điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật HNGĐ. Giao cháu Lò Thị L, sinh ngày 30/10/2009 cho chị Lò Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu Lò Thị Thu T sinh ngày 23/01/2018 cho anh Lò Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lò Thị D không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 5 BLTTDS, không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung; tài sản riêng; nợ lấy về, nợ phải trả; ruộng, nương:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa ngày hôm nay, chị Lò Thị D và anh B không yêu cầu giải quyết về phần tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về; ruộng, nương nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 5 BLTTDS, không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lò Thị D phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện VKS huyện DB tại phiên tòa là có cơ sở pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lò Thị D ly hôn anh Lò Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Thị L, sinh ngày 30/10/2009 cho chị Lò Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu Lò Thị Thu T, sinh ngày 23/01/2018 cho anh Lò Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

Anh B và chị D có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên; người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung; tài sản riêng; nợ lấy về, nợ phải trả; ruộng, nương: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lò Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số: 0005036 ngày 18/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện DB; Chị D đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Lò Văn B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày

kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại UBND xã TC, huyện DB, tỉnh Điện Biên.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện DB;
- Chi cục THADS huyện DB;
- UBND xã TC;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Ích Rộng